

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 30/03/2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Dương Hải

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Anh Đức

Ông Lương Minh Suốt

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1958

Địa chỉ nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số 15 ấp k, xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn X**, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ : Số 15 ấp k, xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15 Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông **Trần Văn C**, ngụ ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị B**, ngụ ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Ông **Trần Văn T**, ngụ ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.(Vắng mặt).

+ Bà **Trần Thị T**, ngụ ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

+ **Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thạnh Phú, Sóc Trăng.**

Địa chỉ: Số 126 ấp K, xã Tú, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thạnh Phú – Sóc Trăng: Ông Nguyễn Hữu M. Chức vụ: Phó giám đốc (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Vào năm 1977 bà có hôn tiền với cha mẹ của bà là ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị Ú (hiện đều đã chết) để mua 01 căn nhà và đất của vợ chồng ông P và bà Lý Thị Ú (ông P và bà Ú đã chết). Phần diện tích đất có chiều ngang là 06m, dài là 14m tọa lạc ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi mua với giá là 7.800.000đ trong đó bà L hôn số tiền là 3.500.000đ. Ông P và bà Ú có làm giấy tay cho bà Ú giữ. Việc chuyển nhượng chưa được sang tên tách bộ. Năm 2015 thì ông X đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 292,6m<sup>2</sup> trong này có phần đất bà đã hôn với cha mẹ mua chiều ngang 6m, dài 14m. Vào tháng 03/2020 thì ông X đuổi bà ra khỏi nhà không cho bà sống trên phần đất này nữa.

Nay bà L yêu cầu ông X phải hoàn trả lại cho bà một phần đất nền nhà mà trước đây bà đã hôn mua của ông P diện tích 146,3m<sup>2</sup> tại thửa 97 tờ bản đồ số 09 tọa lạc ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

### ***Bị đơn ông Trần Văn X trình bày:***

Nguồn gốc phần đất nền nhà đang tranh chấp trên là có nguồn gốc là của cha mẹ ông X là ông Trần Văn Đ và bà Bùi Thị Ú, ông là con trai út trong nhà phụng dưỡng cha mẹ già. Vào năm 1982 thì cha mẹ ông đã nhận chuyển nhượng của ông Sơn P và bà Lý Thị Ú có giấy tờ mua bán giữa cha mẹ ông và chủ đất cũ nhưng đã thất lạc bản gốc, giá mua nhà đất là 15.600đ, diện tích căn nhà tường chiều ngang 08m, dài 09m, 01 căn nhà sau ngang 8m, dài 4m và 01 sân chiều ngang 08m, dài 03m. Phần căn nhà mà cha mẹ ông nhận chuyển nhượng của ông P hiện tại ông đã đập bỏ và xây dựng nhà mới có chiều ngang là 08m dài khoảng 20m. Việc chuyển nhượng có ông Quách C và Võ Văn L làm chứng (hiện ông C đã chết) có đại diện ấp K, ông Lâm Xuân D xác nhận. Khi cha mẹ ông còn sống đã cho ông được quyền thừa kế hưởng phần nhà đất của cha mẹ và đến năm 2015 thì ông X được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận QSDĐ tổng diện tích 292,6m<sup>2</sup>, ông sử dụng phần đất này từ đó đến nay anh em trong gia đình không ai tranh chấp. Việc bà L cho rằng bà L có hôn với cha mẹ của ông để mua đất của ông P là không đúng, giấy tờ mà bà L cung cấp cho Tòa án là giấy giả vì vậy ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà Lượng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình:* Khi còn sống cha mẹ của bà là ông Đ và bà Ú có cho ông X phần đất tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> phần đất này hiện ông X đang sử dụng. Ông biết trước đây năm 1977 khi đó ông khoảng 15 tuổi cùng bà L sống chung với cha mẹ và ông biết bà L có hôn tiền với cha mẹ số tiền 3.500.000đ để mua căn nhà và đất của ông P và bà Ú.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày:* Khi còn sống cha mẹ của bà là ông Đ và bà Ú có cho ông X phần đất tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> phần đất này hiện ông X đang sử dụng Ông biết trước đây năm 1977 khi bà L còn

chung sống với cha mẹ thì bà L không có hùn tiền với cha mẹ số tiền 3.500.000đ để mua căn nhà của ông P và bà Ú như bà L trình bày.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:* Khi còn sống cha mẹ của bà là ông Đ và bà Ú có cho ông X phần đất tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> phần đất này hiện ông X đang sử dụng. Còn bà L có hùn tiền với cha mẹ số tiền 3.500.000đ để mua căn nhà của ông P và bà Ú hay không thì bà không biết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày:* Khi còn sống cha mẹ của bà là ông Đ và bà Ú có cho ông X phần đất tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> phần đất này hiện ông X đang sử dụng. Bà biết trước đây năm 1977 khi bà L còn chung sống với cha mẹ và có hùn tiền với cha mẹ số tiền hơn 3.000.000đ để mua căn nhà của ông P và bà Ú.

- *Tại đơn không yêu cầu giải quyết đề ngày 02/01/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N chi nhánh T, Sóc Trăng trình bày:* Ông Trần Văn X có vay tiền của ngân hàng số tiền vốn là 150.000.000đ. Khi vay ông X không thể chấp quyền sử dụng đất thửa 97 tờ bản đồ số 9, diện tích 292,6m<sup>2</sup> do UBND huyện Mỹ Xuyên cấp cho ông X và bà K đứng tên QSDĐ mà ông X chỉ giao giấy chứng nhận QSDĐ này cho Ngân hàng giữ để làm tin. Vì vậy Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ ông X đã vay của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả lại phần là 146,3m<sup>2</sup>, tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> tọa lạc ấp K, xã T, huyện M. Ngoài ra đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] - *Về thủ tục tố tụng:*

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị T, Ngân hàng N chi nhánh T đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án. Riêng ông P và bà B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2]- *Về nội dung tranh chấp:*

*\* Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn X hoàn trả lại phần đất là 146,3m<sup>2</sup> tại thửa số 97 tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, HĐXX xét thấy:*

[3] Về diện tích phần đất đang tranh chấp: Phần đất tranh chấp giữa bà L và ông X là phần đất tại thửa số 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Trần Văn X và bà Lê Thị K đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích theo đo đạc thực tế là 251m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với thửa 96 của ông Quách T có số đo 29,28m.

+ Hướng Tây giáp thửa 110 của ông L có số đo 29,5m.

+ Hướng Nam giáp với thửa 107 của ông C 7,13m;

+ Hướng Bắc giáp với đường đá có số đo 10,07m.

[4] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đ và bà Ú là cha mẹ của ông X và bà L đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng P và bà Ú vào năm 1977. Ông Đ và bà Ú sử dụng đến năm 2011 thì cho ông X được quyền sử dụng và ông X đi đăng ký xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ và năm 2015 thì được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do X và bà Kiêm đứng tên.

[5] Xét về quá trình sử dụng đất thì thấy: Phần đất tranh chấp diện tích 146,3m<sup>2</sup> trước đây vào năm 1977 do ông Đ và bà Ú sử dụng, ông X là con út sống chung với cha mẹ. Sau khi bà Ú chết vào năm 2011 thì cho ông X sử dụng từ đó cho đến nay.

[6] Xét về hiện trạng phần đất tranh chấp: Trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà tường kiên cố có kết cấu nền Xi măng, vách Tol, mái tol, đỡ mái gỗ, cột gỗ do ông X và bà Kiêm xây dựng.

[7] Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ: Phần đất tranh chấp được ông Đ và bà Ú nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông P và bà Ú vào năm 1977. Đến năm 2013 thì ông được cha mẹ cho ông X được quyền sử dụng và vào ngày 22/12/2015 thì ông X đã được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông X và vợ là bà K đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo văn bản số 796/UBND-VP, ngày 4/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện M thì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông X và bà K là cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L là người khởi kiện và bà có cung cấp chứng cứ cho Tòa án là tờ xác nhận ngày 12/2/2000, trong tờ xác nhận này ghi tóm tắt nội dung: Vợ chồng ông P và bà Ú xác nhận năm 1977 có bán lại 01 căn nhà ở ấp K, xã T cho ông Đ và bà Ú cùng có con của ông Đ là bà L. Tuy nhiên trong giấy xác nhận này không ghi số tiền mua nhà đất và không ghi là bà L có hùn tiền với ông Đ, bà Ú để cùng mua nhà đất của ông P, bà Ú. Mặt khác theo bà L trình bày thì việc mua nhà đất là vào năm 1977 nhưng bà L không cung cấp được giấy tay mua bán năm 1977 mà cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận năm 2000. Bà L cũng không biết tại sao giấy mua bán tay năm 1977 nhưng chủ đất lại ghi năm 2000. Các người con của ông Đ và bà Ú là ông T bà B thì cho

rằng bà L có hùn tiền với cha mẹ để mua đất, còn ông C, bà T thì cho rằng bà L có hùn tiền với cha mẹ để mua đất nhà và đất của ông P. Từ những lời khai trên cho thấy trong số những người con của ông Đ và bà Ú có lời khai mâu thuẫn nhau, có người khai là bà L có hùn tiền mua đất với cha mẹ, có người thì khai là không hùn. Vì vậy cần xem xét từ những chứng cứ khác để xem xét việc bà L có hùn tiền để mua nhà đất với cha mẹ hay không. Ngoài ra phía ông X còn cho rằng do ông T và bà B có mâu thuẫn với ông nên mới đứng cùng phía với bà L.

Sau khi Tòa án xác minh thu thập chứng cứ và đã xác minh một số người như ông Sơn X là con của ông P và bà Ú. Theo ông X trình bày thì ông có biết việc cha mẹ ông trước đây có chuyển nhượng cho ông Đ và bà Ú một căn nhà gắn liền với đất nhưng việc bà L có hùn với ông Đ để mua nhà đất hay không thì ông không biết. Còn bà L cũng là con của ông P và bà Ú thì trình bày là bà L có hùn với cha mẹ để mua đất của ông P, bà Ú.

Tòa án cũng xác minh ông Võ Văn L là người làm chứng trong tờ xác nhận lập ngày 12/2/2000 thì ông L trình bày khi đó ông làm thư ký cho ông Lâm Xuân D (cũng là người làm chứng trong tờ xác nhận trên) ông L cho rằng vào năm 1982 ông có viết dùm giấy mua bán đất giữa ông P và ông Đ còn việc ký vào tờ xác nhận ngày 12/2/2000 thì ông không nhớ. Đối với việc ông X và bà K được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2015 phía bà L cũng không có ý kiến gì.

Do đó chứng cứ là tờ xác nhận được lập vào năm 2000 do bà L cung cấp như đã phân tích ở trên là chưa đủ căn cứ để chứng minh việc bà L có hùn số tiền 3.500.000đ với cha mẹ là ông Đ và bà Ú để mua đất của ông P.

Ngoài ra vào thời điểm năm 1975 Chính phủ cách mạng lâm thời ban hành Nghị định số 04/NĐ, ngày 6/6/1975 về việc thành lập Ngân hàng quốc gia cộng hòa miền nam Việt Nam đổi tiền như sau: từ Quảng Nam Đà Nẵng trở vào Miền nam cứ 01 đồng Ngân hàng Việt Nam đổi 500 đồng tiền Việt Nam Cộng hòa và mỗi gia đình chỉ được đổi 100.000 đồng Việt Nam cộng hòa ra thành 200 đồng công hòa miền nam Việt Nam để tiêu dùng thường nhật. Đến năm 1978 Hội đồng chính phủ ban hành quyết định số 87-CP, ngày 25/4/1978 về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, phát hành tiền Ngân hàng mới thu hồi Ngân hàng cũ ở Miền bắc và miền Nam, cụ thể đổi như sau: 0,80 đồng Ngân hàng cũ miền nam bằng 01 đồng Ngân hàng mới, mỗi hộ ở nông thôn chỉ được đổi tối đa là 100.000đ tiền mới.

So với qui định về tiền tệ của Nhà nước từ những thời kỳ trước thì việc bà L cho rằng cha mẹ bà là ông Đ và bà Ú vào năm 1977 đã nhận chuyển nhượng nhà đất của ông P và bà Ú với giá là 7.800.000đ là không phù hợp về số tiền của nhân dân thường sử dụng vào thời kỳ đó. Riêng đối với lời trình bày của ông X là cha mẹ ông mua nhà và đất của ông P, bà Ú với số tiền là 15.600đ là có căn cứ và phù hợp hơn về giá tiền tại thời điểm đó.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy việc bà L cho rằng vào năm 1977 bà có hùn số tiền 3.500.000đ với cha mẹ là ông Đ và bà Ú để mua căn nhà và đất của ông P và bà Ú là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông X hoàn trả lại

cho bà phần đất 146,3m<sup>2</sup> hiện ông X đang quản lý sử dụng là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật.

[12]- *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bà L là người cao tuổi, bà L có đơn xin miễn án phí, do đó đương sự này thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông X, ông T, ông C, bà T, bà B, ông P, Ngân hàng N chi nhánh T – Sóc Trăng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13]- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Vì yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí thẩm định giá là 4.000.000đ, nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định, định giá.

[14] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả lại phần là 146,3m<sup>2</sup>, tại thửa 97, tờ bản đồ số 09, diện tích 292,6m<sup>2</sup> tọa lạc ấp K, xã T, huyện M. Như đã phân tích ở trên đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ do đó HĐXX chấp nhận. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự sẽ được rút kinh nghiệm, khắc phục trong thời gian tới.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, ; Điều 158; Khoản 1 Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Trần Thị L về việc yêu cầu ông Trần Văn X hoàn trả lại cho bà L phần đất có diện tích 146,3m<sup>2</sup> hiện ông X đang quản lý tọa lạc tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Trần Văn X và bà Lê Thị K đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp với thửa 96 của ông Quách T có số đo 29,28m.
- + Hướng Tây giáp thửa 110 của ông L có số đo 29,5m.
- + Hướng Nam giáp với thửa 107 của ông C có số đo 7,13m;
- + Hướng Bắc giáp với đường đá có số đo 10,07m.

#### **2/ Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Nguyên đơn bà Trần Thị L được miễn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông Trần Văn X, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, ông C, bà T, bà B, ông Trần Thanh P, Ngân hàng N chi nhánh T – Sóc Trăng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá số tiền là 4.000.000đ, nguyên đơn đã nộp xong tiền chi phí thẩm định, định giá.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

**Mai Thị Dương Hải**